

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ3 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230672004-801 - Auto CAD c ã b n H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010078	35CCĐ3	Nguy n Tu n Anh	26/03/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
2	3571010032	35CCĐ3	Nguy n T n n	04/06/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
3	3575031737	35CNVL1	ñ u Xu ^a n Bì n	02/08/1990				7.0	5.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
4	3474010009	34COT2	Mai Vĩ t Chung	05/12/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
5	3571010654	35CCĐ1	L ² Vĩ t D h g	17/07/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
6	3475010052	34CXD2	V H ã n ã am	24/03/1991				8.0	6.0		7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
7	3571010141	35CCĐ3	Mai Thành ã t	10/10/1990				8.0	6.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
8	3571010228	35CCĐ2	Ng» Tì n ã i p	26/03/1993				7.0	5.0		6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
9	3471010097	34CCD2	Tr n Minh ã nh	14/04/1991				8.0	8.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
10	3575031694	35CNVL1	Tr ã ng Th ã nh ã »	15/03/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
11	3571010783	35CCĐ1	Ph m Vĩ t ã c	24/08/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
12	3474010015	34COT2	Tr n ã c ã c	30/10/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
13	3571011468	35CCĐ7	Ph m V ã ã Hà	20/12/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
14	3571011544	35CCĐ3	Nguy n H ã ã g H i	12/05/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
15	3471010127	34CCD6	H ã ã g V ã ã H ã n	26/11/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	3475010100	35CXD3	H ã ã nh V ã ã H ã y	20/05/1990				7.0	6.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
17	3574011390	35COT2	V ã H ã ã g	01/10/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
18	3471010159	34CCD6	Th ã ã nh Ng c Quang Jun	04/05/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
19	3475010107	34CXD2	Nguy n Ch ^a u Kha	10/11/1991				8.0	8.0		8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CC ấ 3 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230672004-801 - Auto CAD c ấ b n H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3575010570	35CXD5	Nguy n ấ nh	Khoa	04/07/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
21	3574010963	35COT2	Tr n V ấ O	Linh	20/10/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
22	3575010970	35CXD5	Nguy n Th ấ nh	Long	03/06/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
23	3575010586	35CXD5	V ấ Ki u	Minh	24/02/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
24	3471010216	34CCD6	ấ ng Ho ấ	Nam	18/09/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
25	3475010156	34CXD2	Ho ấ ng Nh t	Nam	13/12/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	1.5	1.1	3.0	
26	3575031605	35CNVL1	Nguy n T ng	Nam	01/02/1993				7.0	5.0		6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
27	3571011255	35CC ấ 6	Lê Thành	Nhân	11/11/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
28	3575010241	35CXD3	Tr ng H ng	Nh t	02/11/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
29	3471010239	34CCD1	Phan Tr ng	Nhu n	27/04/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
30	3475010186	34CXD5	Cao V ấ Nh	Phát	21/12/1991				7.0	6.0		6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
31	3571011401	35CC ấ 6	Hu nh Minh	Quang	19/05/1992				5.0	5.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
32	3471010261	34CCD2	Tr n	Quang	17/01/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
33	3475010221	34CXD1	Nguy n Th ấ nh	Số ng	24/11/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
34	3471010270	34CCD2	ấ Thanh	S n	27/01/1992				9.0	8.0		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
35	3575010009	35CXD2	Nguy n V ấ Nh	Tâm	16/08/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
36	3471010275	34CCD2	B ấ i V ấ Nh	Tân	14/11/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
37	3475010284	34CXD4	H ấ Qu c	Ti n	10/02/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
38	3475010288	34CXD4	Nguy n Vi t	Ti n	04/11/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	9.5	6.7	8.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CC ấ 3 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230672004-801 - Auto CAD c ấ b n H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3471010367	34CCD4	Tr nh Quang	Tu ấ n	27/09/1992				9.0	8.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
40	3571011770	35CC ấ 7	Phí Quang	Tu n	21/02/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
41	3575010326	35CXD3	Tr n Anh	Tu n	21/10/1991				7.0	8.0		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
42	3575010431	35CXD4	Nguy n C ấ ng	Tú	29/06/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	7.0	4.9	7.2	
43	3571010781	35CC ấ 1	ấ Tĩ n	Th ấ nh	16/04/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	
44	3571011429	35CC ấ 6	Ch ấ u V ấ nh	Thu n	31/03/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
45	3471010410	34CCD5	Tr n ấ nh	V ấ nh	10/04/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	

T ng s : 45 h c sinh sinh vĩ n
Tr ng Khoa Gi ấ o Vĩ n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ấ o V Khoa